



BẢNG TỔNG HỢP GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2023

Tổng hợp Ngày 20 tháng 12 năm 2023

TT	Họ và tên	Định mức giờ NCKH	Giờ NCKH được miễn giảm	Giờ NCKH phải thực hiện	Tổng giờ NCKH đã thực hiện được													Mã CB	
					Seminar năm 2023		Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Tổng giờ NCKH đã được tính cho năm 2023	Còn thiếu		Tổng còn lại được chuyển cho năm sau
					Đã thực hiện	Được tính	Đã sử dụng cho các năm trước	Đã sử dụng năm 2023	Còn lại	Đã sử dụng cho các năm trước	Đã sử dụng năm 2023	Còn lại	Đã sử dụng cho các năm trước	Đã sử dụng năm 2023	Còn lại				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)=(7)+(9)+(12)+(15)	(18)=(5)-(17)	(19)=(13)+(16)	-20
1	Chu Thị Thủy An	350	140	210			77,14	22,86			187,14	431,5			600,8	210		1032,3	1097
2	Lê Thị Nam An	200		200	55	55		145	1,655			400			200			400	1160
3	Ông Vĩnh An	295		295				295	85			459			809,3	295		1268,3	1439
4	Đặng Thúy Anh	295		295			144	295	81			216,7			283,3	295		500	1251
5	Đậu Đức Anh	235	165	70							70	18,6			373,3	70		391,9	1503
6	Đậu Trọng Tuấn Anh																		2360
7	Lê Quốc Anh	235	156	79			111,9	21,43			57,57	35,3			200	79		235,3	1092
8	Lê Thị Hiền Anh																		1775
9	Lê Thực Anh	295	18	277	20	20	180			163	257	130			500	277		630	1130
10	Mai Thế Anh	235	47	188	63	63		125	581,7			393,3			551	188		944,3	1036

11	Nguyễn Phi Cường Anh										42,9						42,9	2634
12	Nguyễn Thị Kim Anh																	1802
13	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	295	20	275			187	275	4,7		376,7			1,200	275		1576,7	1122
14	Nguyễn Thị Vũ Anh																	1785
15	Nguyễn Tuấn Anh	235	16	219						169	219	16,2		426,7	219		442,9	2396
16	Trần Thị Vân Anh	235	35	200	95	80				50			120	180	200		180	1421
17	Hồ Thị Diệu ánh	295	118	177				177	61,6			587,5		1,350	177		1937,5	1267
18	Trần Quang Bách	235	70	165				165	903,6			1,150		298,8	165		1448,8	1269
19	Nguyễn Ngọc Bích	295	44	251	86	86	66,7			116,3	165	52		243,3	251		295,3	1538
20	Dương Trọng Bình	235	24	211	70	70	210			33,4	116,6		24,4	125,6	211		125,6	1197
21	Lưu Thị Thanh Bình																	2362
22	Nguyễn Duy Bình	295	59	236	55	55	268	132			49	101			236		101	1975
23	Nguyễn Duy Bình	260		260	91	91				81	169	166,2			260		166,2	1536
24	Tạ Thị Bình	270	54	216				216	29			777,5			216		777,5	1373
25	Bùi Thị Càn	295	59	236	65	65		40			131	159		146,7	236		305,7	1152
26	Phạm Thị Hải Châu	270	40	230			302,83	230	267,2			460,8		500	230		960,8	1113
27	Lê Thị Sao Chi	295	88	207	8	8	50			104	96		103	297	207		297	1576
28	Nguyễn Thị Thủy Chi																	1784
29	Nguyễn Quốc Chiến	235		235	100	94				136,2	28,8		112,2	52,8	235		52,8	2692
30	Nguyễn Huy Chiêu	350	35	315			132	68			247	19,7		900	315		919,7	1532
31	Nguyễn Công Chuẩn																	1790
32	Mai Văn Chung	350	263	87				87	163			226,7		377,1	87		603,8	1458

33	Nguyễn Thị Chung	295		295			123	277			18	533,4			300	295		833,4	1200
34	Nguyễn Thị Chung																		2363
35	Hồ Việt Chương	235		235						164,06	95,94			139,06	60,9	235		60,9	1595
36	Lê Văn Chương	235	35	200				200	176,7			510		482,6	200			992,6	1034
37	Nguyễn Anh Chương	295	221	74				74	46			870			74			870	1488
38	Bùi Đức Công	295	30	265	105	105				78,2	160	11,8			105	265		116,8	2647
39	Nguyễn Thành Công	325		325	70	70	443,96	37,47				217,53	122,5		300	325		422,5	1320
40	Đặng Thành Cường	295	88	207			207	207	326							207			1274
41	Lê Thế Cường	295	192	103							3	224,3		12,5	103			236,8	1491
42	Phạm Lê Cường	200	140	60						26	60	544			60			544	1828
43	Phan Quốc Cường											42,9						42,9	2635
44	Tạ Hùng Cường	235	24	211	48	48		66,67				96,33	23,7		482,6	211		506,3	1030
45	Trần Mạnh Cường																		1816
46	Văn Đình Cường	295	44	251	105	100,4						42,9		107,7	42,3	251		42,3	1192
47	Võ Trọng Cường	225		225			14,14	225	160,9			421,4			225			421,4	2327
48	Võ Văn Đăng	295	59	236			100			41,5	236	22,5		150	236			172,5	1179
49	Nguyễn Quốc Đăng	295		295			310				229,67	125,33		169,67	130,3	295		130,3	1176
50	Thái Thị Đào	295	44	251							187	171,33		79,67	420,3	251		420,3	2675
51	Phạm Xuân Đạt																		1773
52	Nguyễn Đức Diện	295	236	59			193,33				193,67	59	335,1			59		335,1	1460
53	Nguyễn Thị Diệp	325	33	292	40	40		40				212	18		200	292		218	1141
54	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	175		175	60	60	32,66	115	172,3							175			1517
55	Lê Văn Diệp	270	223	47	8	8	9	39	82			175				47		175	1360

56	Nguyễn Thanh Diệu	350	263	87						87	179,7			120	87		299,7	1522
57	Nguyễn Văn Đông	295		295	40	40	200		171,28	28,72			226,28	173,7	295		173,7	1059
58	Trần Đình Du	235	47	188			44	116		72	218			40	188		258	1934
59	Phan Văn Dư	165	110	55									55	145	55		145	2450
60	Nguyễn Duy Duẩn	235	47	188				188	1,332		2293,3			216	188		2509,3	1602
61	Đậu Xuân Đức	295	30	265				265	735		2,000			1,400	265		3,400	1202
62	Nguyễn Lâm Đức	220	183	37				37	99,7		261,3			396	37		657,3	2540
63	Nguyễn Văn Đức	350		350				350	663,3		600			853,3	350		1453,3	1534
64	Cao Thị Thu Dung	235	68	167	23	23				144	29,3			80	167		109,3	1354
65	Dư Ngọc Dung																	2591
66	Phạm Mỹ Dung	295	59	236				236	157,3		470,8				236		470,8	1368
67	Trần Thị Thu Dung																	1768
68	Đinh Văn Dũng	225	150	75	68	30				45	97,9				75		97,9	2480
69	Đoàn Quang Dũng	235	56	179	70	70	200		36,8	68,2			40,8	109,2	179		109,2	1165
70	Nguyễn Hoàng Dũng	295	192	103				103	145					100	103		100	1248
71	Nguyễn Tiến Dũng	155	52	103	5	5	94	98	428					113,3	103		113,3	1102
72	Nguyễn Văn Dũng	235	70	165			275	165	860		202,9			296,4	165		499,3	2354
73	Nguyễn Xuân Dũng	350	233	117	15	15		102	48		50			100	117		150	1205
74	Võ Công Dũng	270	175	95	5	5	199	90	251		300			200	95		500	1207
75	Hồ Thị Duyên	235	55	180				180	60		442,4			385	180		827,4	1316
76	Nguyễn Thị Duyên	295	46	249				249	9,3		95,9			153,3	249		249,2	1507
77	Nguyễn Thị Duyên	175	175															2057

78	Nguyễn Thị Hạnh Duyên	295		295	5	5		290	248			247,6			241,3	295		488,9	1250
79	Nguyễn Lê Gia																		2463
80	Đinh Thị Trường Giang	350	70	280	50	50		230	61,7			351,4			35	280		386,4	1219
81	Lê Đức Giang	350	207	143				120				23	456,1		100	143		556,1	1201
82	Lưu Thị Trường Giang	235	12	223				223	57							223			2583
83	Nguyễn Thị Châu Giang	295	88	207				207	313			520			450	207		970	1101
84	Nguyễn Thị Hương Giang	235	10	225			117	3				80		142	89,1	225		89,1	1363
85	Nguyễn Thị Lam Giang	200		200	110	80		100				20	80			200		80	1393
86	Trương Thị Bình Giang	235		235	20	20	102			128,86		215	22,6		300	235		322,6	1222
87	Dương Xuân Giáp	235	47	188	50	50		66,67				71,33	1,610			188		1,610	1526
88	Đặng Việt Hà																		2527
89	Đỗ Thị Hà																		2336
90	Nguyễn Thị Hà	325		325			269,67	180,33				144,67	142,6		130	325		272,6	1506
91	Nguyễn Thị Ngọc Hà	295	59	236	8	8	120	198,1			265,7	29,9	48			236		48	1557
92	Nguyễn Thị Thu Hà																		2554
93	Nguyễn Thị Thúy Hà																		1776
94	Nguyễn Thị Việt Hà	295	182	113				113	20,3			283,3			300	113		583,3	1057
95	Nguyễn Trọng Hà	295	188	107			100	107	1726,3			1651,7				107		1651,7	1578
96	Phạm Thị Hà	225		225	50	50	80	175	478,3			400			225			400	2013
97	Phan Thị Thúy Hà	235		235	70	70	55,58	152,75				12,25	143,8		211,4	235		355,2	1474
98	Văn Thị Hà	165	165		70								100					100	2637
99	Võ Thị Thu Hà_A	295	15	280			200			282	280	38			280			38	2011

100	Võ Thị Thu Hà_B	235	10	225	50	50	14,86	135,14			39,86	280,1			40	225		320,1	2010
101	Đinh Thị Hải	225	30	195	90	78				20,2	74,8			42,2	62,8	195		62,8	2607
102	Dương Thị Thanh Hải	295	54	241			191	122,33						118,67	120,4	241		120,4	1500
103	Hồ Thị Hải	235	44	191				191	579			210,8			10	191		220,8	1319
104	Lê Thanh Hải	270	144	126				126	207,3			520				126		520	1594
105	Đoàn Thị Ngọc Hân	235	24	211	35	35	155,5	144,5						31,5	121,8	211		121,8	1282
106	Nguyễn Thị Diễm Hằng	235	24	211			191	211	48			400			200	211		600	2593
107	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	295	30	265	75	75	72	190	54,7			100			460	265		560	1543
108	Nguyễn Thị Thu Hằng	220	131	89				89	36			137,5			720	89		857,5	1131
109	Nguyễn Thị Thu Hằng	225	26	199	97	79,6				52,54	119,4	4,3			120	199		124,3	2367
110	Nguyễn Thúy Hằng																		2377
111	Phạm Thị Thúy Hằng	295	81	214				214	136			550			213,3	214		763,3	1252
112	Trịnh Thị Hằng	235		235				235	180			387,5				235		387,5	1277
113	Đoàn Thị Hạnh																		1796
114	Hồ Đức Hạnh																		1810
115	Hồ Mỹ Hạnh	295	207	88	70	35,2		52,8	247,2			216,7			300	88		516,7	1246
116	Lê Hồng Hạnh	78		78	20	20						58	59,8			78		59,8	1318
117	Lê Thị Tuyết Hạnh	295	59	236				236	1,299			700			50	236		750	1394
118	Trần Thị Hạnh	175		175	10	10	30,6	19,4			145,6	109,4			80	175		189,4	2352
119	Bùi Văn Hào	350	53	297				249	151			65		81	39	297		39	1477
120	Nguyễn Hoàng Hào	235	12	223	5	5	26,67	145,23			72,77	47,2			350	223		397,2	1208
121	Trần Văn Hào	270		270			166,81	270	63,2							270			1265
122	Trần Xuân Hào	240	56	184	88	73,6				104,4	13,46			96,94	253,1	184		253,1	1074

123	Cao Thị Hào	225	22	203	79	79	109,76	124	66,2			125				203		125	2366
124	Nguyễn Bùi Hậu	175	32	143	35	35		66,67						41,33	98,7	143		98,7	1071
125	Bùi Thị Thu Hiền																		1813
126	Chu Thị Thu Hiền																		2530
127	Lê Thị Thu Hiền	225		225	73	73	100				157	103		49	101	225		101	2464
128	Nguyễn Thị Đức Hiền																		1794
129	Nguyễn Thị Thu Hiền	225	34	191	42	42						149	143,9		150	191		293,9	2468
130	Phạm Thị Thu Hiền	220	30	190	98	76	29,2	37,47				76,53	23,5		100	190		123,5	1086
131	Thái Thị Thu Hiền																		2351
132	Trần Thị Hiền																		2391
133	Lê Duy Hiếu	235	47	188	35	35	64,4	35,6				117,4	57,6			188		57,6	1162
134	Nguyễn Xuân Hiệu	225		225	31	31	71,93	28,07				165,93	236,9		50	225		286,9	2532
135	Dương Thị Mai Hoa	225	74	151			191,5	151	97,5						400	151		400	2495
136	Nguyễn Văn Hóa	235	35	200	53	53					149	147	504		160	200		664	1589
137	Đặng Thị Hòa																		2370
138	Đặng Thị Thu Hoài																		1747
139	Đỗ Thị Phi Hoài	350		350	35	35	100				316,67			315	105,8	350		105,8	2653
140	Ngô Thị Thu Hoài	235	35	200	70	70					94	46		84	236	200		236	1310
141	Nguyễn Thị Hoài																		2387
142	Nguyễn Thị Hoài	295	59	236			80				89,33	236	50,9			236		50,9	1047
143	Nguyễn Thị Thanh Hoài																		2736
144	Phan Xuân Hoài																		1783
145	Đinh Huy Hoàng	292		292	28	28	82,5	17,5						246,5	66,8	292		66,8	1528
146	Trịnh Ngọc Hoàng	295	59	236			113,78	186,22				49,78	193,1			236		193,1	1329
147	Nguyễn Bá Hoàn	270	175	95							80	95	795			95		795	1447

148	Nguyễn Ngọc Hồng																	2492	
149	Nguyễn Quang Hồng	350		350			495	350	235			337,3			400	350		737,3	1497
150	Nguyễn Tiến Hồng	235		235			310,67	189,33				45,67	304,3			235		304,3	1590
151	Phạm Thị Thúy Hồng	235	24	211	10	10		40				161	352,3		577,1	211		929,4	1139
152	Đặng Đình Hùng																		2533
153	Nguyễn Mạnh Hùng	295	157	138				138	465,3				242,9		200	138		442,9	1190
154	Vũ Xuân Hùng	270		270				266,67				3,33	421,7			270		421,7	1600
155	Lê Khánh Hưng																		1792
156	Đậu Thị bình Hương	295		295	35	35	150				134,7	260	55,3		157,5	295		212,8	1186
157	Doãn Thị Thùy Hương	235		235			141,77	235	73,2						100	235		100	2453
158	Hồ Thị Thu Hương																		2337
159	Hoàng Thị Thuý Hương																		1761
160	Nguyễn Thị Hương																		2525
161	Nguyễn Thị Hương																		2045
162	Nguyễn Thị Mỹ Hương	295		295	50	50	13,43	159,9				85,1	374,9			295		374,9	1143
163	Trần Thị Lan Hương																		1774
164	Vũ Thị Việt Hương	240	36	204	100	81,6	25,1	74,9				47,5	205			204		205	1396
165	Nguyễn Mai Hường	225	4	221	50	50		171	29				25		250	221		275	2482
166	Hoàng Thị Thanh Huyền	235		235	45	45	107,73	172,27				17,73	82,3		20	235		102,3	1275

167	Nguyễn Thanh Huyền	235	120	115			53	27			88	40			115		40	1261	
168	Nguyễn Thị Huyền	175	52	123				123	90,3			223,6			20	123		243,6	1216
169	Đặng Huy Khánh	235	157	78									78	455,3	78		455,3	2483	
170	Nguyễn Duy Khánh	225	34	191						100,14	191	168,4			191		168,4	2328	
171	Đình Xuân Khoa	260	215	45			156	45	71,7						45			1009	
172	Nguyễn Trọng Kiên	235		235			235	235	330			300			235		300	2329	
173	Nguyễn Trung Kiên	165	25	140	5	5		85			50	277,5			145	140	422,5	2467	
174	Nguyễn Thị Lại	295	30	265	105	105	200			194,67	60,33		99,67	50,3	265		50,3	1178	
175	Thái Thị Hồng Lam	295		295	95	95	97,67	200	85,7			100		233,3	295		333,3	1541	
176	Thái Thị Ngọc Lam	235	44	191	23	23		135			33	359,9			191		359,9	1346	
177	Trần Thị Hồng Lam	225		225	70	70	6	155	89			218,3		100	225		318,3	2509	
178	Nguyễn Trần Lâm																	1791	
179	Hoàng Thị Thanh Lan																	2493	
180	Trần Thị Ngọc Lan	295	30	265	70	70	200			5	142,9		52,1	97,9	265		97,9	1191	
181	Nguyễn Thế Lâm	235	16	219	80	80		139	61			306,7		60	219		366,7	1238	
182	Nguyễn Thị Lành	270		270	120	108				120	30		132	68	270		68	1413	
183	Vũ Thị Phương Lê	325	97	228			7	228	105			473,3		514,3	228		987,6	1136	
184	Hồ Thị Thanh Lịch																	2394	
185	Dương Thị Kim Liên																	2489	
186	Đường Thị Quỳnh Liên	295		295	35	35		260	944,7			858,6		2174,6	295		3033,2	1247	
187	Nguyễn Thị Bích Liên	235	39	196	45	45		100			51	17,6		320	196		337,6	1240	

188	Phạm Thị Thúy Liễu	295	69	226	35	35	117	191	172			98,5			250	226		348,5	1288
189	Chế Thị Hải Linh	175	6	169			66	169	85			100				169		100	2014
190	Đặng Thị Phương Linh	235		235	70	70	196	165	1,039			82,9		291,4	235			374,3	1303
191	Dương Thị Linh	220		220	15	15	357,17	42,83			162,17	137,8				220		137,8	1129
192	Lê Diệu Linh	225	134	91	30	30	76	24			37	63				91		63	2528
193	Lê Mạnh Linh																		1793
194	Phan Khánh Linh																		2569
195	Phan Thị Nhật Linh	235		235			181,36	168,64				66,36	283,6		46,1	235		329,7	1969
196	Trần Diệu Linh	225	21	204	10	10		150				44	181			204		181	2557
197	Đặng Hồng Lĩnh	295	44	251	123	100,4					21,33	150,6	228,1			251		228,1	1083
198	Phan Duy Long	235		235	100	94					133,8	116,2		24,8	35,2	235		35,2	2691
199	Phan Văn Long	235		235			66,67				122,61	235	245,3			235		245,3	1603
200	Quách Văn Long																		1767
201	Trần Văn Long	225	43	182	105	72,8	27,4	109,2	88,4			105			105	182		210	2386
202	Nguyễn Trí Lục	295	59	236	70	70		100				66	81,9		200	236		281,9	1177
203	Phạm Thị Hiền Lương	175	175																1579
204	Nguyễn Đình Lưu	295	59	236	90	90					11,6	118,4		27,6	32,4	236		32,4	2090
205	Hồ Khánh Ly																		2392
206	Nguyễn Khánh Ly																		2365
207	Nguyễn Mai Ly	225		225	45	45	64	180	56			96		253,3	225			349,3	2272
208	Trần Hằng Ly	175	61	114			39	81				33	152,7		1,025	114		1177,7	2385
209	Võ Thị Cẩm Ly	295	12	283	103	103	43,7	117,41				60		2,59	296,2	283		296,2	1471
210	Bùi Thị Lý																		2611
211	Lê Thị Hải Lý	235	108	127			106,36	93,64				33,36	241,6			127		241,6	1480
212	Hoàng Thị Mai	235		235							8,33	123,67		111,33	8,7	235		8,7	1376
213	Lê Thị Mai																		1760

214	Lương Thị Quỳnh Mai	225		225	75	75	249,7	50,3			99,7	32			100	225		132	2316
215	Trần Thị Hoàng Mai	350	105	245				245	524			1232,6			440,5	245		1673,1	1245
216	Võ Thị Anh Mai	235	44	191	65	65		100			26	49			150	191		199	1483
217	Lưu Văn Mạnh	225	30	195	65	65				84,4	130	160,6				195		160,6	2547
218	Lê Văn Minh	295	175	120				120	10			275			90	120		365	1088
219	Lương Ngọc Minh	175		175	45	45	186,67			24,53	18,33			111,67	355	175		355	1043
220	Nguyễn Thị Minh	270	175	95						82	95	294,4				95		294,4	1027
221	Phạm Ngọc Minh	225		225	21	21				178	204	18				225		18	2032
222	Trần Thị Hồng Minh																		2545
223	Trần Xuân Minh	235	10	225			300	20			205	75			120	225		195	1362
224	Phạm Trà My	235	32	203	118	81,2				84,6	20,76			101,04	131	203		131	1093
225	Lê Na																		2555
226	Phan Lê Na	260	11	249	90	90		151,67			7,33	92,7			100	249		192,7	1073
227	Trần Thị Lê Na	235	70	165				165	35			617,9			200	165		817,9	1268
228	Nguyễn Khánh Nam																		2556
229	Trần Giang Nam	295		295	155	118	100			41,78	58,22			118,78	21,2	295		21,2	1429
230	Dương Thị Nga	15		15				15	15							15			1743
231	Hoàng Thị Nga	295		295	85	85		100						110	30	295		30	1150
232	Lê Thanh Nga	295	147	148				33,33			114,67	5,3			90	148		95,3	1562
233	Mai Thị Thanh Nga	295		295			301,9			150,81	186,46			108,54	71,5	295		71,5	1501
234	Ngô Thị Quỳnh Nga	235	32	203							128			75	325	203		325	1563
235	Nguyễn Thị Nga	55		55										55	45	55		45	2741
236	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	225	4	221				200			21	239				221		239	2364

237	Trần Thị Kim Ngân	59		59	35	23,6							35,4	159,3	59		159,3	2739
238	Cao Thành Nghĩa	235	35	200			44	200	256			60		682,9	200		742,9	1040
239	Nguyễn Đức Nghĩa																	2605
240	Trần Anh Nghĩa	220	59	161	76	64,4					37,5		59,1	40,9	161		40,9	1524
241	Lê Thị Ngọc																	1805
242	Mai Phương Ngọc	295	59	236			136	122			114	513,3		355	236		868,3	1504
243	Nguyễn Phúc Ngọc	235	145	90			200			24,13	90	78,7		90	90		168,7	1024
244	Nguyễn Thị Bích Ngọc	295	295															1206
245	Nguyễn Cẩn Ngôn	235		235	160	94		133,33			7,67	225,7			235		225,7	2031
246	Đặng Thị Nguyên	235	18	217						223	10,33		206,67	533,3	217		533,3	2669
247	Trần Cao Nguyên	235	47	188			130	170			18	635,3		116,7	188		752	1148
248	Trần Thị Anh Nguyệt																	1799
249	Đình Thị Nhân																	2519
250	Nguyễn Công Nhật	41		41	15	15							26	74	41		74	2743
251	Nguyễn Thị Hồng Nhật	225	22	203			280	160			40		3	210,3	203		210,3	2552
252	Nguyễn Thị Nhị	350	268	82			82	868			546,7		299	82			845,7	1326
253	Phan Thị Nhuận	225	188	37						37	43		160	37			203	2485
254	Hồ Thị Nhung	235	10	225	23	23	157	202	186		342,9		27,5	225			370,4	1345
255	Ngô Hồng Nhung	235	35	200	48	48	200			82,87	117,13		34,87	65,1	200		65,1	2375
256	Nguyễn Thị Phương Nhung	295	15	280			265	280	8,3		585,7		620	280			1205,7	1107
257	Nguyễn Thị Trang Nhung																	2592
258	Phạm Thị Oanh	235	35	200			100				100		200	200			200	1475
259	Phan Nữ Hiền Oanh	235	10	225	40	40	185	215					200	225			200	1301

260	Thái Thị Kim Oanh	350	299	51				51	637,3						51			1266	
261	Trần Thị Kim Oanh	295	88	207	40	40				96	167	12			200	207		212	1066
262	Nguyễn Thị Oánh																		2598
263	Nguyễn Đình Phi	235	47	188	80	75,2	189,4	10,6			25			77,2	27,8	188		27,8	1166
264	Phạm Văn Phong																		1814
265	Phan Anh Phong	240	48	192	67	67	39,1	94,23			30,77	219,2			90	192		309,2	1064
266	Thiều Đình Phong	295	221	74							74	446,4				74		446,4	1518
267	Vũ Hoàng Phong																		2182
268	Bùi Hạnh Phúc	165	25	140	70	56	100			31	79			5	35	140		35	2543
269	Phan Văn Phúc	235		235			283,33	160		43,66	75	881,3				235		881,3	1596
270	Cao Thị Phương	240		240	165	96	196,7	103,3			40,7	59,3				240		59,3	1398
271	Hồ Sỹ Phương	235	12	223	120	89,2		66,67			60			7,13	207,2	223		207,2	1035
272	Nguyễn Thị Hà Phương																		2477
273	Nguyễn Thị Lan Phương	220		220	100	88	300			50				132	18	220		18	1406
274	Nguyễn Việt Phương	235	24	211				211	64			1016,7			100	211		1116,7	1094
275	Hồ Đình Quang	235	44	191	40	40		151	509,5			466,9			194,7	191		661,6	1957
276	Lê Thị Hồ Quang	295	12	283				283	577			96			120	283		216	1550
277	Nguyễn Phong Quang	295	34	261			200			8	222			39	81	261		81	2648
278	Nguyễn Thành Quang	260		260	51	51	121	209	150						213,3	260		213,3	1513
279	Trần Việt Quang	350	204	146				146	987,3			766,7				146		766,7	1157
280	Trần Xuân Quang																		1923
281	Võ Đức Quang	225	150	75	23	23	80,83	52	50,5			50			200	75		250	2474
282	Nguyễn Hồng Quang	350	263	87				87	73			120			159,1	87		279,1	1913
283	Nguyễn Văn Quảng	350		350				350	50			680				350		680	1519
284	Nguyễn Văn Quốc	165	25	140	8	8	75			186,33	132	581,7				140		581,7	2016

285	Phan Đình Quốc	225	7	218				133,33			84,67	185,3				218		185,3	2368
286	Nguyễn Minh Quyết	225	108	117	90	46,8	200			12,4	70,2	92,4			105	117		197,4	2558
287	Nguyễn Thị Quỳnh	235	10	225	60	60	90	10			155	130			566,7	225		696,7	2034
288	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	235	35	200				200	130			665			675	200		1,340	2056
289	Nguyễn Văn Quỳnh	235		235			5,7	194,3			40,7	266			380	235		646	1971
290	Phạm Thị Như Quỳnh	235		235	10	10				137,47	45,86			179,14	37,5	235		37,5	1461
291	Nguyễn Văn Sang	295	192	103	10	10		80			13	187			337,1	103		524,1	2361
292	Trần Xuân Sang	295	192	103	35	35	28	22			46	29			420	103		449	1076
293	Nguyễn Nữ Hải Sao																		2755
294	Phan Sinh	295	15	280	105	105	100			97	153			22	203	280		203	1180
295	Cao Thanh Sơn	295	192	103				103	97			417,9			200	103		617,9	1067
296	Đặng Thái Sơn	295	118	177			223	177	386,7			90			186,7	177		276,7	1032
297	Đậu Bắc Sơn	295	44	251	105	100,4	200			139,7	150,6	52,6			105	251		157,6	1908
298	Lê Xuân Sơn	240	143	97				97	253							97			1782
299	Nguyễn Thái Sơn	350	105	245				245	245			280				245		280	1159
300	Phạm Xuân Sơn	295	20	275	65	65	359,04			65,96	34,04			175,96	74	275		74	1424
301	Nguyễn Thị Sương				8														2665
302	Lê Đức Sứ																		1817
303	Lê Thế Tâm	235	47	188				188	596,5			536,7			93,3	188		630	1214
304	Nguyễn Thị Minh Tâm	200	37	163	123	65,2	120			8	42			55,8	42,4	163		42,4	1075
305	Phan Thị Minh Tâm																		2575
306	Trần Thị Lưu Tâm	235	34	201	40	40		161	119			128			100	201		228	1276
307	Trần Thị Thanh Tâm	235	35	200	80	80	175	25			95	230			50	200		280	1244

308	Lê Văn Tấn	270	189	81						81	619				81		619	1678
309	Nguyễn Thị Hồng Thắm	270		270	165	108	20	80		82	18		140	270		158	1420	
310	Châu Hồng Thắng	295	44	251	105	100,4	200		87,3	150,6	62,1			251		62,1	1194	
311	Đào Quang Thắng	220	143	77				77	43					77			1236	
312	Hoàng Thị Minh Thắng																1763	
313	Nguyễn Chiến Thắng	292	58	234				234	466		242,9			234		242,9	1545	
314	Bùi Thị Thanh																2679	
315	Chu Thị Hà Thanh	325	97	228				120		100		8	355,3	228		355,3	1098	
316	Nguyễn Thị Thanh	235		235				93,33		141,67	339,2		92	235		431,2	1371	
317	Nguyễn Thị Thanh	235	122	113					58	113	159		200	113		359	1289	
318	Vũ Thị Hồng Thanh	295		295	25	25				270	450			295		450	1529	
319	Đinh Trung Thành	350	263	87				87	476,3		430			87		430	1142	
320	Lê Văn Thành	235	156	79	34	31,6				47,4	2,6		200	79		202,6	1084	
321	Lê Văn Thành	350	15	335				335	531,7		2,000			335		2,000	1523	
322	Nguyễn Tân Thành	235	55	180				180	670		318,1		50	180		368,1	1213	
323	Trần Đức Thành	235		235	105	94	100			141	141	18		150	235		168	1181
324	Trần Thị Kim Thành																1798	
325	Bành Thị Thảo	235	129	106	55	42,4		63,6	456,4		150			106		150	1283	
326	Đặng Thị Phương Thảo																2506	
327	Nguyễn Thị Phương Thảo	235		235	35	35				93	168,8		31,2	8,8	235		8,8	1293
328	Nguyễn Thị Phương Thảo																2523	
329	Nguyễn Thị Phương Thảo	235		235	65	65	100						170	30	235		30	1849

330	Nguyễn Thị Phương Thảo	225	140	85			116,6	83,4			1,6	60,2			85		60,2	2355
331	Phan Thị Phương Thảo																	1762
332	Trần Thị Phương Thảo	270	40	230	30	30	22,67	200	77,3			200			230		200	1422
333	Trương Thị Phương Thảo	235		235	35	35		160			40	243,3			235		243,3	1138
334	Từ Đức Thảo																	1779
335	Hoàng Anh Thế	225	19	206							206	94			206		94	2357
336	Nguyễn Thị Kim Thi	225		225	20	20	12	168			37	463		560	225		1,023	2315
337	Phạm Đình Thi																	1812
338	Nguyễn Thị Lương Thiện																	1769
339	Phan Huy Thiện	235	16	219			70	63,33			155,67	111		283,3	219		394,3	1586
340	Trần Hậu Thìn	270		270	85	85	230			48	102		83	117	270		117	1359
341	Trần Văn Thông	295	236	59			100			10	59	156			59		156	2432
342	Nguyễn Lê Hoài Thu	295		295	125	118	123	177				100		200	295		300	1430
343	Nguyễn Thị Hoài Thu	235	24	211			242	211	7			460			211		460	2029
344	Nguyễn Thị Kim Thu	235		235			177,56	235	160,8			231,4		600	235		831,4	1041
345	Phạm Thị Thu																	2521
346	Nguyễn Minh Thư	225	56	169	55	55	148,4	51,6			62,4	47,1			169		47,1	2606
347	Phan Hùng Thư	235	153	82				82	18			337,5			82		337,5	1826
348	Bùi Đình Thuận	220	165	55				55	105			160			55		160	1337
349	Bùi Minh Thuận	295	44	251			365	251	652,6			190		200	251		390	1508
350	Phan Xuân Thục	225	34	191			50			131,08	36,78		154,22	39,1	191		39,1	2529
351	Hồ Thị Huyền Thương	220		220	95	88	300			53,5	34		98	130,5	220		130,5	1087
352	Hoàng Thị Cẩm Thương	235	35	200				200	120			146,4		66,7	200		213,1	1270

353	Trần Hoài Thương																		2636
354	Võ Thị Hoài Thương	295	192	103			75			28	52			20	103		72	1509	
355	Đặng Như Thường	295		295	5	5	3,81	92,19		197,81	204,1			280	295		484,1	1502	
356	Trần Thị Thuý																		2181
357	Hà Thị Thúy	235	20	215			41	215	464		216				215		216	1292	
358	Nguyễn Vũ Minh Thúy	165	121	44			66,67			103,13	14,73			29,27	37,4	44	37,4	2629	
359	Trần Thị Minh Thúy																		2671
360	Phan Thị Thùy	235	35	200	5	5		195	1111,9		1,080				200		1,080	2018	
361	Hoàng Thị Thùy	225	36	189				189	111		90			458,7	189		548,7	2549	
362	Lê Thị Bích Thủy																		2384
363	Nguyễn Thị Thủy																		2613
364	Nguyễn Thị Thủy																		1916
365	Nguyễn Thị Thủy																		2576
366	Nguyễn Thị Bích Thủy	235		235				235	219,7		120				235		120	1255	
367	Nguyễn Thị Bích Thủy	235	47	188	18	18		170	638		100				188		100	1278	
368	Phạm Thị Thu Thủy																		2597
369	Trần Thị Thanh Thủy	295		295	50	50		183,18			61,82	150,2		280	295		430,2	1241	
370	Trương Thị Lệ Thủy																		2469
371	Nguyễn Đình Tiến	235		235	63	63	200			18,5	172	47		100	235		147	1280	
372	Nguyễn Thế Tiến	235	47	188	110	75,2	100			104,4	70,6		42,2	17,8	188		17,8	1164	
373	Phan Văn Tiến	235	165	70				70	730		150				70		150	2058	
374	Trần Bá Tiến	260	208	52				52	614,7		2,120				52		2,120	1403	
375	Văn Đình Tiến																		2052
376	Nguyễn Thị Tiếng	235	24	211	75	75	280,8	39,2			53,33		43,47	296,5	211		296,5	1361	

377	Nguyễn Đức Toàn																		1788	
378	Nguyễn Tài Toàn	295	196	99				83,12			15,88	117,5				99		117,5	1350	
379	Phạm Mạnh Toàn	235	35	200				243,33	156,67			43,33	56,7			200	200		256,7	1026
380	Nguyễn Thị Thanh Trâm	175		175	70	70		99	1			104	134,9			40	175		174,9	1966
381	Nguyễn Thị Thanh Trâm	295	12	283	8	8		33,33			24,87	275	238,1				283		238,1	1559
382	Biện Thị Quỳnh Trang																			2520
383	Đình Thị Huyền Trang	175		175	20	20		91,43			120,59	107,98			47,02	139,6	175		139,6	2019
384	Nguyễn Hà Trang																			2673
385	Nguyễn Thị Cẩm Trang																			2670
386	Nguyễn Thị Mai Trang	235		235	70	70		133,9	66,1			98,9	141,1				235		141,1	1302
387	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	235		235	21	21					5	214	47,7			313,3	235		361	2440
388	Nguyễn Thị Thu Trang																			2390
389	Phạm Thị Quỳnh Trang																			2650
390	Trần Huyền Trang	235	27	208	45	45					73,8	140,49			22,51	57,5	208		57,5	1450
391	Trần Thị Thu Trang	165	60	105	80	42		88	63	49							105			2448
392	Chu Thị Trinh	235	10	225	75	75		92,16	107,84			42,16	59,7			230	225		289,7	1291
393	Cao Tiến Trung	350	105	245					210			35	532,6				245		532,6	1441
394	Hoàng Văn Trung	235	24	211					211	221,3			156,7				211		156,7	1211
395	Lê Cảnh Trung	235	47	188					188	362			908,9				188		908,9	1437
396	Thái Đình Trung																			1811
397	Dương Đình Tú	235	35	200	83	80			120	106,7			60			625,6	200		685,6	1042

398	Nguyễn Anh Tú	235		235	60	60	201,23	98,77			50			26,23	173,8	235		173,8	1262
399	Nguyễn Thúc Tuấn	295		295			253	237			37,5			20,5	539,5	295		539,5	1366
400	Nguyễn Văn Tuấn	295	59	236				236	552,6			120			80	236		200	1494
401	Phan Anh Tuấn	225	34	191	35	35				34,34	25,66			130,34	153	191		153	2373
402	Phan Văn Tuấn	235	47	188			9,67	188	42,3			240				188		240	1153
403	Nguyễn Thị Thanh Tùng	225		225	21	21	75			76,72	204	144,3			310	225		454,3	2330
404	Lương Văn Trường																		1764
405	Nguyễn Thị Kim Tuyền																		1766
406	Trần Thị Tuyền	350		350				350	172,2			320				350		320	1054
407	Phan Thị Hồng Tuyết	350		350	85	85	90	233,6			31,4	590			177,7	350		767,7	1230
408	Nguyễn Bá Uy	225	139	86						68	86	288,9				86		288,9	2689
409	Nguyễn Thị Uyên	235	12	223	23	23	102	68			132	385,9			420	223		805,9	1079
410	Nguyễn Thị Thu Uyên																		2568
411	Dương Thị Cẩm Vân																		2494
412	Hoàng Thị Thúy Vân	235	127	108				108	325,3			435,7			42	108		477,7	1253
413	Nguyễn Thị Vân																		2487
414	Phan Thị Cẩm Vân	235	235									702,3						702,3	1495
415	Võ Thị Hồng Vân	295		295	44	44	155	45			123,21			82,79	183,9	295		183,9	1525
416	Hoàng Hữu Việt	350	105	245				170			75	366,7			200	245		566,7	1065
417	Hoàng Thị Việt	235	12	223	35	35		188	92							223			1281
418	Lê Thị Tuyết Vinh																		2526
419	Lê Văn Vinh	225	34	191	5	5		186	80,7			600			165,7	191		765,7	2317
420	Lương Thị Thành Vinh	295	20	275				20		19,33	255	585,7				275		585,7	1056

421	Nguyễn Đình Vinh	235	94	141				141	24			127,5				141		127,5	1374
422	Nguyễn Thị Kiều Vinh	270		270	74	74	269,5	196	34,5			25			100	270		125	1587
423	Nguyễn Thị Lê Vinh	225	34	191	50	50	138,1	141	10,9			463,3				191		463,3	2318
424	Nguyễn Thị Thúy Vinh	295	44	251	50	50		100				43,64		57,36	232,2	251		232,2	1357
425	Trần Xuân Vinh	235	35	200			39,36	200	249			25			100	200		125	2036
426	Trương Thị Thành Vinh	235		235				173,75				61,25	140		190	235		330	1369
427	Phạm Anh Vũ	235	94	141	10	10	100			48,74	131	75,3				141		75,3	1182
428	Trần Thị Xinh	225	30	195	95	78				119,4	55,6			61,4	88,6	195		88,6	2649
429	Trần Thị Xô																		2524
430	Đào Thị Thanh Xuân	175		175			39,67	175	0,9			178,6			93,3	175		271,9	1210
431	Nguyễn Đức Xuân	270		270	21	21		75				76,67		97,33	62,7	270		62,7	1598
432	Nguyễn Thị Xuân																		2574
433	Nguyễn Thị Quỳnh Xuân																		1786
434	Hoàng Thị Tố Yên																		1797
435	Cao Thị Ngọc Yên	225		225	70	70		155	35			280			800	225		1,080	2353
436	Hoàng Phan Hải Yến	350	228	122				122	1,108			526,7				122		526,7	1048
437	Hoàng Thị Hải Yến	295		295				50				27,3		217,7	57,3	295		57,3	1492
438	Hứa Thị Hải Yến																		2379
439	Nguyễn Thị Yến	225	75	150	35	35		115	525			450				150		450	2553
440	Nguyễn Thị Hải Yến	295	44	251	15	15		80				156	74			251		74	1144
441	Phạm Thị Kim Yến	235	35	200	35	35		165	88,3			300			682,7	200		982,7	1256

442	Tôn Nữ Hải Yến	295	44	251			188,57			12,43	52,57			198,43	18,2	251		18,2	1493
443	Trần Thị Ngọc Yến	350	223	127				127	473						780	127		780	1405

Nghệ An, ngày 20 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH